

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-ST
Ngày: 15-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Chiêm

Bà Lê Thị Kim Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Tấn X, sinh năm 1977;

Cư trú tại: Số B Quốc lộ F, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1987;

Địa chỉ thường trú: ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Hiện cư trú tại: Số H Đường N, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 4 năm 2023).

- Bị đơn: Bà Tạ Thị Ngọc T, sinh năm 1969;

Cư trú tại: Số D Đường H, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà N và bà T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Tấn X và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Mai Thị N trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 27 tháng 9 năm 2021, ông X (tên thường gọi là Đ) có cho bà Tạ Thị Ngọc T vay số tiền 70.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để bổ sung vốn làm ăn. Việc vay tiền được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của bà T. Thời hạn vay là ba tháng kể từ ngày ký Giấy mượn tiền. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn vay và cho đến nay, ông X đã nhiều lần gặp trực tiếp nhắc nhở yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T hứa hẹn và sau đó lần tránh không thực hiện nghĩa vụ. Nay ông X khởi kiện yêu cầu bà T trả hết số tiền nợ là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Tạ Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu không hòa giải, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Theo Giấy mượn tiền ghi ngày 27/9/2021 do bà T viết và ký tên thể hiện bà T có vay của ông X số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày viết “Giấy mượn tiền” là ngày 27/9/2021. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa ông X và bà T đã xác lập giao dịch vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo Điều 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự. Hết thời hạn thỏa thuận, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho ông X đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông X được pháp luật bảo vệ. Do đó, ông X khởi kiện yêu cầu bà T trả một lần số nợ còn thiếu 70.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Tấn X khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Tạ Thị Ngọc T có địa chỉ cư trú tại Phường F, thành phố T, tỉnh Long An về yêu cầu bà T trả số nợ đã vay còn thiếu là 70.000.000 đồng. Tại thời điểm viết “Giấy mượn tiền”, bà T cung cấp địa chỉ cư trú tại số D Đường H, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành xác minh việc cư trú của bà Tạ Thị Ngọc T và được Công an P, thành phố T cung cấp thông tin bà T có đăng ký thường trú tại địa chỉ: 4 Đường H, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An nhưng hiện đã bán nhà, không còn sinh sống tại địa chỉ trên và nguyên đơn xác định không được bị đơn thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ cư trú mới của bị đơn. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, Tòa án xác định bà T cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn X, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông X khởi kiện bà T yêu cầu trả số nợ đã vay chưa trả là 70.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản gốc tờ “Giấy mượn tiền” ngày 27 tháng 9 năm 2021 do bà T tự viết và ký tên. Nội dung của Giấy mượn tiền thể hiện bà T có vay của ông X số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay: 03 tháng. Trong “Giấy mượn tiền” không thể hiện việc thỏa thuận lãi suất khi vay và nguyên đơn xác định không tính lãi đối với bị đơn. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa ông X và bà T đã có xác lập giao dịch vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo Điều 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà T không trả nợ cho ông X mặc dù đã được ông X nhắc nhở nhiều lần nhưng bà T cố tình lẩn tránh và đã để nợ quá hạn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông X được pháp luật bảo vệ.

[6] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông X. Điều này cho thấy bà T đã biết được việc khởi kiện của ông X và mặc nhiên thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng vẫn không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo yêu cầu khởi kiện.

[7] Về phương thức thanh toán nợ: Ông X yêu cầu bà T trả một lần số nợ vay còn thiếu và không yêu cầu tính lãi. Thấy rằng, do bà T vi phạm nghĩa vụ đã cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông X được pháp luật bảo vệ do đó việc ông X yêu cầu bà T trả nợ một lần là có căn cứ.

[8] Về việc không yêu cầu tính lãi: Khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu tính lãi chậm trả nhưng nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc mà không yêu cầu bị đơn trả lãi là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, không tính lãi đối với số tiền 70.000.000 đồng nợ vay bà T còn thiếu của ông X.

[9] Như vậy, từ những tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở xác định ngày 27 tháng 9 năm 2021, bà T có vay và còn nợ của ông X số tiền là 70.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của ông X là có căn cứ theo quy định tại các điều: 274, 463, 470 Bộ luật Dân sự, bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông X số tiền nợ vay còn thiếu là 70.000.000 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 3.500.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều: 280, 470, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bà Tạ Thị Ngọc T phải trả cho ông Lê Tấn X số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 27 tháng 9 năm 2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Tạ Thị Ngọc T phải chịu 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

- Ông Lê Tấn X không phải chịu án phí nên hoàn trả cho ông X số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002350 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp Tân An;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn